TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/12/2025

"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thu.

Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 2000; CCCD số 030300000337; HKTT: Thôn Sa Lung, xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên; Hiện ở: Quốc lộ 5, thành phố Poipet, Vương quốc Campuchia.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Sa Lung, xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Hữu V, sinh năm 1997; CCCD số 03009709101; HKTT: Thôn ĐG, xã CG, thành phố HP; Hiện đang bị tạm giam tại: Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hải Phòng.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Hữu V, sinh năm 1970; bà Vũ Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn ĐG, xã CG, thành phố HP.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Hữu V được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng) vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình anh V. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Chị nghĩ rằng, cuộc sống vợ chồng như vậy là do kinh tế khó khăn nên đã bàn bạc với anh để vợ chồng cùng đi lao động nước ngoài. Anh nhất trí nên năm 2021, chị và anh cùng đi nước ngoài lao động. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện. Anh chị làm cùng thành phố nhưng vẫn sống riêng, không ở cùng nhau. Anh về nước trước, chị về sau nhưng cuộc sống vẫn nặng nề, không ai quan tâm đến ai. Năm 2025 anh vi phạm pháp luật, chị cũng không còn cách nào cải thiện cuộc sống gia đình. Do vậy, chị tiếp tục đi lao động tại Campuchia. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 28/12/2018. Từ sau khi vợ chồng anh chị đi nước ngoài lao động đến nay cháu Bảo A vẫn luôn sống cùng ông bà nội là ông Vũ Hữu V và bà Vũ Thị T tại xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng. Con chung phát triển tốt về mọi mặt và ổn định cuộc sống. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, chị được biết quan điểm của anh V cũng đồng ý cho chị được nuôi con nên chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy nhiên nay chị đang lao động tại nước ngoài, anh V đang bị tạm giam, ông Vịnh và bà Tuyết cũng có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con thay vợ chồng anh chị. Do đó chị đề nghị Tòa án tạm giao con cho ông Vịnh và bà Tuyết chăm sóc, nuôi dưỡng con thay chị đến khi chị về Việt Nam. Về cấp dưỡng chị không đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Chị không trực tiếp nuôi dưỡng con, ông V bà T nuôi con thay chị trong thời gian chị không có ở Việt Nam thì chị sẽ có trách nhiệm gửi tiền nuôi dưỡng con cho ông V bà T.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Vũ Hữu V trình bày: Anh và chị Phạm Thị Huyền T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng) vào năm 2018 như chị T trìnnh bầy là chính xác. Khoảng năm 2019 – 2021 anh chị đi xuất khẩu lao động tại Philippines. Vợ chồng chung sống cùng nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, lâu dần vợ chồng xa cách, tình cảm phai nhạt nên anh V chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng không sống cùng nhau từ đó. Năm 2024 anh về nước sinh sống, chị T tiếp tục sống tại nước ngoài, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh xác định tình cảm với chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 28/12/2018. Từ khi vợ chồng đi nước ngoài, đến nay cháu Bảo A vẫn đang sống cùng ông bà nội là ông Vũ Hữu V và bà Vũ Thị T. Cháu phát triển tốt về mọi mặt và cuộc sống ổn định. Sau khi ly hôn anh chị thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và tạm giao cho ông V bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay chị T cho đến khi chị T về Việt Nam. Chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh hoàn toàn nhất trí.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hữu V, bà Vũ Thị T trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Vũ Hữu V. Anh V và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Anh V nhất trí. Ông bà đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 28/12/2018. Đối với việc nuôi dưỡng con chung của chị T anh V, ông bà xác định, từ khi vợ chồng anh chị đi lao động nước ngoài đến nay con chung vẫn đang sống cùng ông bà và con vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Nay chị T anh V không chung sống được với nhau mà phải ly hôn, anh chị thống nhất chị T nuôi dưỡng con và đề nghị tạm giao con cho ông bà nuôi dưỡng trong thời gian chị T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, ông bà hoàn toàn nhất trí. Về tài sản

chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên của vợ chồng anh chị: Ông bà không có ý kiến gì.

Người đại diện theo ủy quyền trong việc giao nhận văn bản tố tụng, bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà nhất trí nhận ủy quyền của chị T trong việc giao nhận các văn bản tố tụng. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị T biết; chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên toà, nguyên đơn (thông qua đơn xin xét xử vắng mặt) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn (thông quan đơn xin xét xử vắng mặt) giữ nguyên quan điểm đồng ý về việc ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Bị đơn còn vắng mặt các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị xử: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị Huyền T ly hôn anh Vũ Hữu V. Về con chung: Giao cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 28/12/2018 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Bảo A cho ông Vũ Hữu V và bà Vũ Thị T chăm sóc đến khi chị T về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (được viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Huyền T khởi kiện anh Vũ Hữu V. Anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn Đông Giao, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng. Anh V hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02, Công an thành phố Hải Phòng. Toà án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng thụ lý là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Họ đều có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Vũ Hữu V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng) vào năm 2018. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày hoàn toàn phù hợp với nhau: Do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên sô xát nên cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị T xin ly hôn, anh V nhất trí. Tuy nhiên, do anh chị đều vắng mặt tại phiên hoà giải nên HĐXX cần xử cho chị Phạm Thị Huyền T được ly hôn anh Vũ Hữu V là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Anh chị cùng ông V, bà T thống nhất quan điểm. Khi ly hôn, giao con Vũ Bảo A, sinh ngày 28/12/2018 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay, chị T đang lao động tại Campuchia nên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm giao con Vũ Bảo A cho ông V bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi chị T về nước và yêu cầu ông bà giao lại con để chị thực hiện quyền nuôi dưỡng. Xét sự thoả thuận trên của anh chị và ông bà là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con nên được HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị Huyền T ly hôn anh Vũ Hữu V.

[2]. Về con chung: Giao con Vũ Bảo A, sinh ngày 28/12/2018 cho chị Phạm Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Vũ Hữu V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Chị T hiện đang lao động nước ngoài nên tạm giao con Vũ Bảo A cho ông Vũ Hữu V và bà Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông V và bà T có trách nhiệm giao con lại cho chị T khi chị T về Việt Nam.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền T phải chịu số tiền 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005846 ngày 05/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh V, ông V và bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng.
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng.
- Các đương sự.
- UBND xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Đào